



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 27/12/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên
Bà Dương Thị Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Khuất Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Cường	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nam Dược

Số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

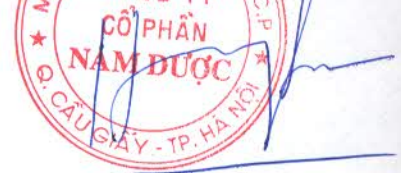
Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

Số: 280322.062/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Thị Lan

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 3655-2021-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		136.801.317.854	100.319.063.568
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	76.203.986.251	52.205.091.735
111 1. Tiền		21.203.986.251	7.205.091.735
112 2. Các khoản tương đương tiền		55.000.000.000	45.000.000.000
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	14.000.000.000	14.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.000.000.000	14.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.509.884.158	20.383.281.441
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	12.423.665.309	7.587.210.698
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.911.740.268	12.658.358.610
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.174.478.581	137.712.133
140 IV. Hàng tồn kho	8	22.181.328.691	10.922.800.979
141 1. Hàng tồn kho		22.181.328.691	10.922.800.979
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		2.906.118.754	2.807.889.413
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	302.952.685	204.559.225
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.603.166.069	2.603.166.069
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	164.119
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		219.684.272.948	200.380.959.860
220 II. Tài sản cố định		186.580.122.709	162.508.939.608
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	45.408.264.855	38.961.328.570
222 - Nguyên giá		61.513.790.197	50.164.928.833
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(16.105.525.342)	(11.203.600.263)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	141.171.857.854	123.547.611.038
228 - Nguyên giá		141.902.037.357	124.200.972.357
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(730.179.503)	(653.361.319)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	1.147.299.500	6.288.225.232
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.147.299.500	6.288.225.232
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	30.255.000.000	30.255.000.000
251 1. Đầu tư vào công ty con		30.000.000.000	30.000.000.000
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.000.000	255.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		1.701.850.739	1.328.795.020
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.701.850.739	1.328.795.020
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		356.485.590.802	300.700.023.428

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		105.854.837.856	99.571.209.602
310 I. Nợ ngắn hạn		105.854.837.856	99.571.209.602
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	42.591.376.379	57.823.668.868
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.753.691.600	109.535.400
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.731.514.529	3.686.273.028
314 4. Phải trả người lao động		42.247.227.367	31.410.737.835
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	12.559.318.432	3.026.547.619
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	17	865.061.113	3.112.865.665
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.106.648.436	401.581.187
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		250.630.752.946	201.128.813.826
410 I. Vốn chủ sở hữu	18	250.630.752.946	201.128.813.826
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		59.640.000.000	59.640.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		59.640.000.000	59.640.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		190.990.752.946	141.488.813.826
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		119.417.900.726	77.662.002.543
421b - LNST chưa phân phối năm nay		71.572.852.220	63.826.811.283
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		356.485.590.802	300.700.023.428

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	559.271.709.483	453.390.210.878
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	49.993.253.473	36.116.295.675
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		509.278.456.010	417.273.915.203
11	4. Giá vốn hàng bán	21	245.217.480.088	191.727.539.465
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		264.060.975.922	225.546.375.738
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	41.854.148.704	41.569.425.191
22	7. Chi phí tài chính		-	4.826.573
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	4.826.573
25	8. Chi phí bán hàng	23	182.379.785.454	158.763.980.442
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	44.057.678.224	38.390.296.122
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.477.660.948	69.956.697.792
31	11. Thu nhập khác		-	12.000
32	12. Chi phí khác	25	9.276.538	340.411.271
40	13. Lợi nhuận khác		(9.276.538)	(340.399.271)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.468.384.410	69.616.298.521
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	7.895.532.190	5.789.487.238
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>71.572.852.220</u>	<u>63.826.811.283</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	79.468.384.410	69.616.298.521
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	4.978.743.263	3.983.906.664
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(41.854.148.704)	(41.569.425.191)
06	- Chi phí lãi vay	-	4.826.573
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	42.592.978.969	32.035.606.567
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(8.960.488.956)	(3.559.241.134)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(11.258.527.712)	(1.924.943.777)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	7.325.267.261	17.077.501.723
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(471.449.179)	579.321.395
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	(4.826.573)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.688.950.831)	(5.243.788.120)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(6.455.845.851)	(4.721.868.640)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	15.082.983.701	34.237.761.441
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(17.884.622.547)	(9.564.191.185)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(14.000.000.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.071.726.841
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	41.850.173.362	40.493.099.354
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	23.965.550.815	22.000.635.010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(15.049.640.000)	(14.630.100.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(15.049.640.000)	(14.630.100.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	23.998.894.516	41.608.296.451

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		52.205.091.735	10.596.795.284
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>76.203.986.251</u>	<u>52.205.091.735</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 27/12/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 59.640.000.000 đồng (Năm mươi chín tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu đồng), tương đương 5.964.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 338 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021: 317 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2021, Công ty phân phối thêm một số sản phẩm mới, đồng thời tăng sản lượng hàng bán ra của các sản phẩm cũ. Điều này dẫn đến Doanh thu bán hàng năm nay tăng 105,88 tỷ đồng so với năm 2020. Đồng thời, Công ty tiếp tục duy trì thực hiện chính sách bán hàng có chiết khấu, theo đó, tổng chiết khấu thương mại năm 2021 tăng 13,88 tỷ đồng so với năm 2020.

Bên cạnh đó, trong năm 2021, các chi nhánh của Công ty gồm Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Bắc Miền Trung (ngày hoạt động: 02/12/2020) và Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Miền Tây (ngày hoạt động: 07/12/2020) đã đi vào hoạt động ổn định, góp phần làm gia tăng Doanh thu bán hàng của Công ty. Đồng thời, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lên đáng kể so với năm trước.

Tổng hợp các nguyên nhân chủ yếu nêu trên khiến cho Lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng 9,85 tỷ đồng so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Nam Dược - Văn phòng trụ sở	Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm
Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Miền Trung	Đà Nẵng	Kinh doanh dược phẩm
Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Miền Nam	Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm
Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Bắc Miền Trung	Nghệ An	Kinh doanh dược phẩm
Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh dược phẩm

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với các khoản đầu tư vào công ty con:* Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- *Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư:* căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- *Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:* căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và không trích khấu hao.

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong năm là chi phí lãi vay. Chi phí này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là mua bán thuốc, dược phẩm và chi phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	11.698.449	125.286.143
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.192.287.802	7.079.805.592
Các khoản tương đương tiền (i)	55.000.000.000	45.000.000.000
	76.203.986.251	52.205.091.735

(i) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 3,0%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-

(i) Tại ngày 31/12/2021, khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 3,7%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH Nam Dược	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	255.000.000	-	255.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược	255.000.000	-	255.000.000	-
	30.255.000.000	-	30.255.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và	Tỷ lệ lợi	Tỷ lệ	Hoạt động kinh
Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacity	583.502.000	-	304.675.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	11.840.163.309	-	7.282.535.698	-
	12.423.665.309	-	7.587.210.698	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	-	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH ADC	-	-	1.680.952.017	-
Công ty CP Công nghệ ITG	607.200.500	-	-	-
Công ty CP Quà tặng Truyền thông Việt Nam	562.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	2.742.539.768	-	1.977.406.593	-
	3.911.740.268	-	12.658.358.610	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	109.104.346	-	29.140.900	-
Ký cược, ký quỹ	160.250.000	-	10.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	95.846.575	-	91.871.233	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam (i)	4.500.000.000	-	-	-
Phải thu khác	309.277.660	-	6.700.000	-
	5.174.478.581	-	137.712.133	-

(i) Khoản tiền đặt cọc thuê lại lô đất và sử dụng hạ tầng kỹ thuật, các dịch vụ quản lý khu công nghiệp có tổng diện tích 20.999 m² tại khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo thỏa thuận nguyên tắc về việc thuê lại quyền sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp ngày 30/11/2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam. Tiền đặt cọc này đã được Công ty trả trước và sẽ được chuyển thành vốn góp (hoặc công nợ phải thu) vào Công ty con được thành lập bởi Công ty Cổ phần Nam Dược sau khi Công ty con hoàn tất thủ tục thành lập doanh nghiệp.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.959.482.013	-	406.885.123	-
Công cụ, dụng cụ	384.701.710	-	130.682.318	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	74.759.226	-
Hàng hóa	18.837.144.968	-	10.310.474.312	-
	22.181.328.691	-	10.922.800.979	-

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	-	32.180.265
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.272.728	-
Các khoản khác	295.679.957	172.378.960
	302.952.685	204.559.225
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	881.337.542	745.072.705
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	137.782.683	102.663.933
Phí duy trì tên miền	157.555.959	16.651.793
Các khoản khác	525.174.555	464.406.589
	1.701.850.739	1.328.795.020

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	28.325.997.759	4.875.597.252	14.867.734.299	1.595.599.523	500.000.000	50.164.928.833
- Mua trong năm (i)	5.304.784.495	390.727.273	68.000.000	69.356.364	-	5.832.868.132
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.802.960.416	713.032.816	-	-	-	5.515.993.232
Số dư cuối năm	38.433.742.670	5.979.357.341	14.935.734.299	1.664.955.887	500.000.000	61.513.790.197
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.234.538.504	1.789.212.262	6.309.482.263	564.811.676	305.555.558	11.203.600.263
- Khấu hao trong năm	1.675.893.743	1.088.151.712	1.732.931.306	238.281.650	166.666.668	4.901.925.079
Số dư cuối năm	3.910.432.247	2.877.363.974	8.042.413.569	803.093.326	472.222.226	16.105.525.342
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	26.091.459.255	3.086.384.990	8.558.252.036	1.030.787.847	194.444.442	38.961.328.570
Tại ngày cuối năm	34.523.310.423	3.101.993.367	6.893.320.730	- 861.862.561	27.777.774	45.408.264.855

(i) Trong đó, giá trị công trình văn phòng làm việc cho Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Bắc Miền Trung theo Chứng thư thẩm định giá số 2000521.001/CTTĐ ngày 20/05/2021 đã ghi tăng tài sản cố định hữu hình là 5.258.935.000 VND (Chi tiết Thuyết minh 11).

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 4.814.935.516 VND (tại 01/01/2021 là 4.081.714.523 VND).

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	123.356.733.087	844.239.270	124.200.972.357
- Mua trong năm (i)	17.701.065.000	-	17.701.065.000
Số dư cuối năm	<u>141.057.798.087</u>	<u>844.239.270</u>	<u>141.902.037.357</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	653.361.319	653.361.319
- Khấu hao trong năm	-	76.818.184	76.818.184
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>730.179.503</u>	<u>730.179.503</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	123.356.733.087	190.877.951	123.547.611.038
Tại ngày cuối năm	<u>141.057.798.087</u>	<u>114.059.767</u>	<u>141.171.857.854</u>

(i) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 380999 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/11/2020 của ô đất số 25 và số 27 thuộc Lô đất LK-03 tại địa chỉ Khu nhà ở Chung cư phía Đông Đại lộ V.I. Lê Nin, xóm 20, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu) để làm văn phòng làm việc cho Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Bắc Miền Trung của Công ty theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu với Công ty Cổ phần Nam Dược ngày 05/05/2021. Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng này là 22.400.000.000 VND, trong đó giá trị quyền sử dụng đất đã tăng tài sản cố định vô hình là 17.141.065.000 VND và giá trị công trình trên đất theo Chứng thư thẩm định giá số 2000521.001/CTTĐ ngày 20/05/2021 đã ghi tăng tài sản cố định hữu hình là 5.258.935.000 VND.

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Mua sắm	1.147.299.500	772.232.000
- Phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM (i)	1.147.299.500	772.232.000
Xây dựng cơ bản	-	5.515.993.232
- Công trình Văn phòng tại Cần Thơ	-	5.515.993.232
	<u>1.147.299.500</u>	<u>6.288.225.232</u>

(i) Mua phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM theo Hợp đồng số 08082020/ITG-NAMDUOC ký ngày 08/08/2020 và Phụ lục hợp đồng số 06 ngày 27/10/2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Giải pháp ERP-ITG. Theo đó, Công ty Cổ phần Giải pháp ERP-ITG sẽ cung cấp bản quyền phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM cho Công ty với 06 phân hệ với tổng giá trị hợp đồng là 1.794.500.000 VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, các hoạt động cho việc cài đặt, triển khai các báo cáo quản trị hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Nam Dược và các công ty con, quản trị hệ thống vẫn đang được tiến hành.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Nam Dược	32.685.549.544	32.685.549.544	48.433.008.945	48.433.008.945
Tổng Công ty Cổ phần Bru chính Viettel	1.569.629.348	1.569.629.348	2.486.709.087	2.486.709.087
Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu Đức Huy	-	-	1.887.581.000	1.887.581.000
Công ty TNHH DT Food	1.937.170.967	1.937.170.967	-	-
Công ty TNHH ADC	1.847.328.409	1.847.328.409	-	-
Các đối tượng khác	4.551.698.111	4.551.698.111	5.016.369.836	5.016.369.836
	42.591.376.379	42.591.376.379	57.823.668.868	57.823.668.868

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	826.945.600	-
Nhà Thuốc Nhân Sinh	763.679.124	-
Công ty TNHH Linh Chi	-	69.600.000
Đối tượng khác	163.066.876	39.935.400
	1.753.691.600	109.535.400

Công ty Cổ phần Nam Dược

Số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số phải thu đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp trong năm</u> VND	<u>Số đã thực nộp trong năm</u> VND	<u>Số phải thu cuối năm</u> VND	<u>Số phải nộp cuối năm</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.200.108.666	16.927.988.171	16.338.579.279	-	2.789.517.558
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.191.654.670	7.895.532.190	7.688.950.831	-	1.398.236.029
Thuế thu nhập cá nhân	-	294.509.692	8.794.923.175	8.854.949.065	-	234.483.802
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	164.119	-	5.476.542	5.312.423	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	311.277.140	2.000.000	-	309.277.140
	<u>164.119</u>	<u>3.686.273.028</u>	<u>33.935.197.218</u>	<u>32.889.791.598</u>	<u>-</u>	<u>4.731.514.529</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí cước viễn thông	87.469.733	82.343.208
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	11.334.335.892	2.552.236.592
Chi phí phụ trách chuyên môn của ông Hoàng Minh Châu	-	33.000.000
Chi phí cước vận chuyển, phí giao hàng	906.634.797	-
Chi phí phải trả khác	230.878.010	358.967.819
	12.559.318.432	3.026.547.619

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	174.173	174.173
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	1.911.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	778.660.000	918.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	85.226.940	283.391.492
	865.061.113	3.112.865.665

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	59.640.000.000	94.369.522.297	154.009.522.297
Lãi trong năm trước	-	63.826.811.283	63.826.811.283
Tăng khác (i)	-	4.371.555.099	4.371.555.099
Phân phối lợi nhuận	-	(19.961.737.280)	(19.961.737.280)
Giảm khác (ii)	-	(1.117.337.573)	(1.117.337.573)
Số dư cuối năm trước	59.640.000.000	141.488.813.826	201.128.813.826
Lãi trong năm nay	-	71.572.852.220	71.572.852.220
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	(22.070.913.100)	(22.070.913.100)
Số dư cuối năm	59.640.000.000	190.990.752.946	250.630.752.946

(i) Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp theo Biên bản thanh tra thuế và điều chỉnh lãi vay của các khoản vay tại ngân hàng theo kết luận tại Biên bản thanh tra thuế.

(ii) Điều chỉnh giảm khác các khoản thuế TNDN, thuế GTGT và thuế TNCN truy thu nộp phạt và các khoản khác theo Biên bản thanh tra thuế.

(iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.580.456.550
Trích thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	3.580.456.550
Chi trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 25% trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.500 VND)	14.910.000.000
	22.070.913.100

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	23,77	14.174.500.000	23,77
Ông Nguyễn Văn Giang	3.572.000.000	5,98	3.222.000.000	5,40
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	9.975.200.000	16,73	7.573.200.000	12,70
Các cổ đông khác	31.918.300.000	53,52	34.670.300.000	58,13
	59.640.000.000	100,00	59.640.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp đầu năm	59.640.000.000	59.640.000.000
- Vốn góp cuối năm	59.640.000.000	59.640.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	918.300.000	638.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	14.910.000.000	14.910.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	14.910.000.000	14.910.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	15.049.640.000	14.630.100.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	15.049.640.000	14.630.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	778.660.000	918.300.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.964.000	5.964.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.964.000	5.964.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.964.000	5.964.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.964.000	5.964.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.964.000	5.964.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	559.271.709.483	453.390.210.878
	559.271.709.483	453.390.210.878

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	49.993.253.473	36.114.477.493
Hàng bán bị trả lại	-	1.818.182
	49.993.253.473	36.116.295.675

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	245.217.480.088	191.727.539.465
	245.217.480.088	191.727.539.465

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.854.148.704	563.326.751
Lợi nhuận của các công ty con giải thể chuyển về	-	1.006.098.440
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
	41.854.148.704	41.569.425.191

(i) Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Nam Dược - công ty con theo Nghị quyết số 05A/2021/NQ-HĐQT ngày 04/05/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Dược và Quyết định số 136/2021/QĐ-ND ngày 04/06/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược về việc chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 của Công ty TNHH Nam Dược.

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.292.979.149	1.942.176.792
Chi phí nhân công	100.562.748.700	76.377.842.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	532.542.096	998.608.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.991.515.509	79.445.353.366
	182.379.785.454	158.763.980.442

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.704.322.148	1.305.795.621
Chi phí nhân công	31.778.652.844	29.178.711.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.446.201.167	2.985.298.449
Thuế, phí và lệ phí	67.938.069	84.481.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.349.459.686	3.943.415.779
Chi phí khác bằng tiền	711.104.310	892.592.954
	44.057.678.224	38.390.296.122

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính về thuế và tiền chậm nộp	9.276.538	337.236.111
Các khoản khác	-	3.175.160
	9.276.538	340.411.271

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	79.468.384.410	69.616.298.521
Các khoản điều chỉnh tăng	9.276.538	337.236.111
- <i>Phạt vi phạm hành chính về thuế và phạt chậm nộp</i>	9.276.538	337.236.111
Các khoản điều chỉnh giảm	(40.000.000.000)	(41.006.098.440)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
- <i>Lợi nhuận lũy kế của công ty con giải thể chuyển về</i>	-	(1.006.098.440)
Thu nhập chịu thuế TNDN	39.477.660.948	28.947.436.192
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	7.895.532.190	5.789.487.238
Truy thu thuế TNDN các năm trước	-	599.582.679
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.191.654.670	46.372.873
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.688.950.831)	(5.243.788.120)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.398.236.029	1.191.654.670

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.997.301.297	3.247.972.413
Chi phí nhân công	132.341.401.544	105.556.553.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.978.743.263	3.983.906.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	85.120.017.574	84.365.844.031
	226.437.463.678	197.154.276.564

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.203.986.251	-	52.205.091.735	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.598.143.890	-	7.724.922.831	-
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	107.802.130.141	-	73.930.014.566	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	43.456.437.492	60.936.534.533
Chi phí phải trả	12.559.318.432	3.026.547.619
	56.015.755.924	63.963.082.152

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và tương đương tiền	76.203.986.251	-	-	76.203.986.251
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.598.143.890	-	-	17.598.143.890
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
	107.802.130.141	-	-	107.802.130.141
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và tương đương tiền	52.205.091.735	-	-	52.205.091.735
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.724.922.831	-	-	7.724.922.831
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
	73.930.014.566	-	-	73.930.014.566

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	43.456.437.492	-	-	43.456.437.492
Chi phí phải trả	12.559.318.432	-	-	12.559.318.432
	56.015.755.924	-	-	56.015.755.924
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	60.936.534.533	-	-	60.936.534.533
Chi phí phải trả	3.026.547.619	-	-	3.026.547.619
	63.963.082.152	-	-	63.963.082.152

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	7.103.625.069

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	7.103.625.069

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường số 01/2022/NQ ĐHĐCĐ ngày 09/01/2022 đã thông qua việc thành lập công ty con - Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam với tổng vốn điều lệ là 50 tỷ đồng (tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Nam Dược là 100%). Đồng thời, Đại hội cổ đông bất thường cũng thông qua tổng mức đầu tư dự án xây dựng nhà máy tại Khu công nghiệp Đồng Văn - Hà Nam khoảng 250 tỷ đồng (trong đó tổng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 50 tỷ đồng; tổng đầu tư xây dựng và máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất là 200 tỷ đồng).

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu